

Số: **38**/2019/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày **31** tháng **12** năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý
rác thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ về quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 2351/TTr-STC ngày 24 tháng 10 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sử dụng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

c) Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có liên quan đến dịch vụ.

3. Đối tượng được miễn tiền dịch vụ: hộ gia đình được cấp sổ hộ nghèo.

Điều 2. Giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải rắn sinh hoạt

1. Biểu giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải rắn sinh hoạt: (chi tiết tại Phụ lục đính kèm).

2. Giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải rắn sinh hoạt được quy định tại khoản 1 Điều này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng. Trường hợp một đối tượng thuộc diện áp dụng nhiều mức thu thì căn cứ vào mức giá tối đa cao nhất để tính giá cụ thể cho phù hợp. Đối với các địa bàn có rác thải rắn sinh hoạt được vận chuyển về xử lý tại nhà máy xử lý rác để xử lý thì giá cụ thể bao gồm giá thu gom, vận chuyển và xử lý; đối với địa bàn có rác thải rắn sinh hoạt được vận chuyển về bãi rác tập trung (không có nhà máy xử lý rác) thì căn cứ vào giá tối đa gồm giá thu gom, vận chuyển để tính giá cụ thể cho phù hợp.

Điều 3. Lựa chọn phương thức cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải rắn sinh hoạt

Việc lựa chọn phương thức cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải rắn sinh hoạt được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ.

Điều 4. Quản lý và sử dụng nguồn thu được từ cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải rắn sinh hoạt

1. Khi thu tiền dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, các đơn vị lập, sử dụng hoá đơn cung ứng dịch vụ thực hiện theo quy định hiện hành; phải có hợp đồng giữa đơn vị thực hiện dịch vụ với người sử dụng dịch vụ.

2. Nguồn thu từ cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp phải mở sổ sách kế toán để theo dõi, phản ánh việc thu, nộp, quản lý, sử dụng nguồn thu, sau khi thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật, thủ trưởng cơ quan, đơn vị, cá nhân có quyền quản lý, sử dụng và điều hoà kinh phí theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố:

a) Căn cứ theo quy định tại Nghị quyết số 113/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp về phân cấp nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp để chi trả cho đơn vị thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường tại bãi rác tập trung của địa phương.

b) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các đơn vị cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường để nâng cao chất lượng dịch vụ. Tổ chức tuyên truyền, nâng

cao ý thức của nhân dân trong việc thực hiện nộp giá dịch vụ vệ sinh môi trường đầy đủ và tham gia giám sát chất lượng dịch vụ vệ sinh do các đơn vị duy trì vệ sinh môi trường thực hiện.

2. Sở Tài chính

Chủ trì phối hợp với các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh điều chỉnh giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh khi có các yếu tố đầu vào làm biến động chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân Tỉnh để giải quyết kịp thời.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ~~13~~ tháng ~~01~~ năm ~~2020~~ và Quyết định số 06/2018/QĐ-UBND ngày 04/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc quy định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành Tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *11/2017*

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT/UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Lưu VT, KT-HS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Thiện Nghĩa

PHỤ LỤC

**BIỂU GIÁ TỐI ĐA DỊCH VỤ THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ
RÁC THẢI SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

STT	ĐỐI TƯỢNG	ĐƠN VỊ TÍNH	GIÁ TỐI ĐA		
			Dịch vụ thu gom, vận chuyển	Dịch vụ xử lý rác thải	Tổng cộng
1	Hộ gia đình không sản xuất, kinh doanh	đồng/hộ/tháng	24.000	6.000	30.000
2	Hộ kinh doanh (ăn uống, tạp hóa, văn phòng phẩm, quần áo, giày dép, vàng bạc, đồ điện, vật liệu xây dựng, thuốc, điện thoại và các mặt hàng khác; rửa hoặc sửa chữa xe ô tô, xe máy và các mặt hàng khác)				
2.1	Lượng rác thải ít hơn 0,5m ³ /tháng	đồng/hộ/tháng	40.000	10.000	50.000
2.2	Lượng rác thải bằng 0,5 m ³ /tháng đến nhỏ hơn 01 m ³ /tháng	đồng/hộ/tháng	100.000	40.000	140.000
2.3	Lượng rác thải bằng hoặc lớn hơn 01 m ³ /tháng	đồng/m ³	190.000	90.000	280.000
3	Cơ quan, đoàn thể, đơn vị vũ trang, trụ sở làm việc của các doanh nghiệp, nhà trẻ, trường học.				
3.1	Lượng rác thải ít hơn 01m ³ /tháng	đồng/đơn vị/tháng	120.000	90.000	210.000
3.2	Lượng rác thải bằng hoặc lớn hơn 01m ³ /tháng	đồng/m ³	120.000	90.000	210.000
4	Nhà máy, xí nghiệp, cửa hàng, cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch	đồng/m ³	190.000	90.000	280.000

STT	ĐỐI TƯỢNG	ĐƠN VỊ TÍNH	GIÁ TỐI ĐA		
			<i>Dịch vụ thu gom, vận chuyển</i>	<i>Dịch vụ xử lý rác thải</i>	Tổng cộng
	vụ, kho chứa hàng, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm; nhà hàng, nhà trọ, nhà nghỉ, khách sạn; chợ, siêu thị, bến xe, bến phà; căn tin, ký túc xá sinh viên; khu du lịch, công trình xây dựng; bệnh viện, cơ sở y tế.				
5	Buôn bán ăn, uống vỉa hè (kể cả thường xuyên hay không thường xuyên)	đồng/ngày	2.000		2.000